

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN VĂN HÀ

**TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP
TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, NĂM 2020

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Duy Phương**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại:
Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	6
7. Bố cục của luận văn	6
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	7
1.1. Khái niệm doanh nghiệp và trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	7
1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam	7
1.2. Khái niệm về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp.	7
1.2.1. Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	7
1.2.2. Khái niệm trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	8
1.2.3. Pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	9
1.2.3.1. Khái niệm, và đặc trưng pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	9
1.2.3.2. Các quy định của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	9
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	11
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	12
2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	12
2.1.1. Trách nhiệm dân sự	12
2.1.2. Trách nhiệm hành chính	12
2.1.3. Trách nhiệm hình sự	13
2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	14

2.2.1. Bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường.....	14
2.2.2. Áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự đối với pháp nhân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.....	14
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	14
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....	16
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	16
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	16
3.2.1. Trách nhiệm hình sự	16
3.2.2. Trách nhiệm hành chính	16
3.2.3. Trách nhiệm dân sự	17
3.3. Giải pháp nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.....	18
3.3.1. Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp.....	18
3.3.2. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường	18
3.3.3. Áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường.....	19
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	19
KẾT LUẬN.....	20

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Mỗi một cơ thể sống dù là cá nhân con người hay bất kỳ một loài sinh vật tồn tại trên trái đất ở trong một trạng thái đều bị bao quanh và chi phối bởi môi trường. Khái niệm môi trường được định nghĩa theo Khoản 1, Điều 3 Luật-Bảo vệ môi trường năm 2014: “Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”. Vấn đề ô nhiễm môi trường sống, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, quá trình thay đổi khí hậu toàn cầu đang là những thách thức đối với quá trình phát triển kinh tế bền vững của tất cả các quốc gia trên thế giới. Bảo vệ môi trường đang trở thành vấn đề bức xúc và quốc sách, mang tính toàn cầu. Nhiều chiến lược, kế hoạch, chương trình, mục tiêu của từng quốc gia, khu vực, quốc tế đang nỗ lực để từng bước ngăn chặn, giảm thiểu, cải thiện vấn đề môi trường. Nhiều thoả thuận cam kết quốc tế, nhiều tổ chức quốc gia đã ra đời nhằm phục vụ mục tiêu bảo vệ môi trường và sinh thái trái đất, bảo vệ ngôi nhà chung cho toàn thể nhân loại. Các chính sách, thoả thuận quốc tế dần dần được từng quốc gia thể chế thành các định chế pháp luật bảo vệ môi trường.

Trong hơn một thập kỷ qua, nền kinh tế Việt Nam luôn đạt mức tăng trưởng cao đã tạo nhiều thuận lợi cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân và thu hẹp khoảng cách kinh tế với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, cùng với những lợi ích mang lại, phát triển kinh tế cũng đã gây ra sức ép rất lớn lên chất lượng môi trường của đất nước, đặc biệt là ở các đô thị lớn như Thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh. Các vấn đề môi trường như ô nhiễm nước, không khí và chất thải rắn đang ngày càng trở thành vấn đề bức xúc của xã hội. Đây cũng là thực tế đã và đang diễn ra ở các nước phát triển và đang phát triển. Tình trạng ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, hủy hoại các giống, loài, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người là cái giá phải trả cho sự phát triển thương mại trong bối cảnh tự do hóa thương mại được tiến hành chỉ trong vòng 10 năm trở lại đây ở nước ta. Để giải quyết sự hài hòa trong phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững; và kim chỉ nam cho sự phát triển “không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế”. Nhà nước ban hành hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường như Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH1; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Nghị định số

155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường, vv... Điều hình, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định, pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự đối nhóm tội phạm môi trường như các tội: Gây ô nhiễm môi trường; vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông; hủy hoại nguồn lợi thủy sản; hủy hoại rừng, vv... Tuy nhiên tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta vẫn diễn ra thường xuyên. Đặc biệt, chủ thể thực hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường chủ yếu là doanh nghiệp như vụ Formosa Hà Tĩnh, Nhiệt điện Vĩnh Tân 2; Vedan Việt Nam; Mei Sheng Textiles Việt Nam; Thuộc da Hào Dương, vv..... Thực tiễn, các doanh nghiệp này lợi dụng chính sách thu hút vốn đầu tư; và những “lỗ hổng” về pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đã cố tình vi phạm, với thủ đoạn tinh vi, lén lút xả thải ra môi trường như xây dựng hệ thống bí mật, phức tạp, được nguy trang bằng hệ thống đạt tiêu chuẩn. Từ những thực trạng trên, việc hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đang là vấn đề cần được quan tâm ở nước ta hiện nay. Do đó, tác giả lựa chọn đề tài **“Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”** là luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Về mặt lý luận và thực tiễn thì có thể nói “Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường” chưa có công trình nào ở trong nước nghiên cứu một cách toàn diện. Tuy nhiên cho đến nay, việc nghiên cứu về vấn đề trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường xét trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn; đã có các công trình nghiên cứu một cách tổng quát. Trên một số tạp chí nghiên cứu khoa học có một số bài viết đề cập đến vấn đề trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực môi trường như:

- Bài viết *“Hoàn thiện các quy định về xử lý hình sự đối với pháp nhân trong lĩnh vực môi trường”* của tác giả Bùi Xuân Phái đăng tải trên Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 12 (316), năm 2016. Theo tác giả, Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 có quy định về một số tội phạm do pháp nhân thực hiện, trong đó có các tội phạm về môi trường. Việc xử lý đối với những loại tội phạm này rất phức tạp, vì đây không chỉ là lần đầu tiên pháp luật Việt Nam tội phạm hóa đối với hành vi của pháp nhân mà còn ở tính chất của các loại tội phạm này rất phức tạp và biện pháp khắc

phục hậu quả rất khó và tốn kém. Do vậy, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với pháp nhân trong lĩnh vực môi trường là một đòi hỏi bức thiết, đảm bảo cho hoạt động bảo vệ pháp luật có đầy đủ căn cứ pháp lý, đặc biệt là đối với các pháp nhân phạm tội.

- Bài viết “*Trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thị Tố Uyên đăng tải trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật, Số 7 (232), năm 2011. Theo tác giả, nhằm ngăn chặn sự suy thoái, ô nhiễm môi trường, dần dần phục hồi và phát triển môi trường sinh thái, nhiều nước trên thế giới đã và đang áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp như tuyên truyền, giáo dục, kinh tế, hành chính...vv. Tùy thuộc vào nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường mà có biện pháp thích hợp. Trong số các chế tài pháp lý, thì trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là một biện pháp hữu hiệu vì nó trực tiếp đánh vào kinh tế của các chủ thể vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và hoàn thiện các quy định về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta.

- Luận văn thạc sĩ luật học “*Trách nhiệm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay*” của học viên cao học Nguyễn Văn Việt thực hiện tại Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2010. Theo đó, Luận văn là công trình khoa học chuyên sâu đầu tiên nghiên cứu tổng thể về trách nhiệm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Luận văn đã đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Những điểm mới của Luận văn là đã đưa ra cấu trúc mới của pháp luật về trách nhiệm hành chính trong lĩnh vực BVMT; đưa ra các giải pháp dựa trên yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay cũng như kinh nghiệm của các nước trên thế giới

- Luận án tiến sĩ luật học “*Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam*” của NCS. Nguyễn Thị Tố Uyên thực hiện tại Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2013. Theo đó, Luận án là một công trình chuyên khảo đầu tiên trong khoa học pháp lý Việt Nam nghiên cứu tương đối toàn diện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam. Điểm mới của luận án thể hiện ở khía cạnh sau: Thứ nhất, Luận án đã nêu khái niệm trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở hai khía cạnh “tích cực” và “tiêu cực”, trong phạm vi nghiên cứu của đề tác giả đi sâu nghiên cứu khái niệm trách nhiệm pháp lý

theo nghĩa tiêu cực, trên cơ sở đó nêu khái niệm “pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”, hình thức thể hiện, phạm vi tác động và đối tượng tác động của pháp luật trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đồng thời tác giả khái quát được một số đặc trưng của trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là một trong những cơ sở quan trọng để hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này. *Thứ hai*, Luận án đã đánh giá một cách tương đối toàn diện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay, cũng như hiện trạng vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và thực tiễn áp dụng pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. *Thứ ba*, Trên cơ sở phân tích những bất cập của pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, luận án đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực này ở Việt Nam hiện nay

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là:

- Hệ thống hóa và làm rõ một số vấn đề lý luận của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghiên cứu thực trạng của pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong thời gian qua;
- Đề xuất, kiến nghị các giải pháp chủ yếu để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề pháp lý về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015; Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015; Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018; Nghị định 155/2016/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan khác (nếu có)

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu:

Thứ nhất, Nghiên cứu làm rõ khung “trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường”, các đặc trưng của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nhu cầu và tiêu chí hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, Nghiên cứu thực trạng pháp luật về pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, (pháp luật về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự). Cụ thể, tập trung phân tích sự bất cập của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ ba, Nghiên cứu một số quy định về pháp luật về trách nhiệm pháp lý của nhà đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở một số quốc gia trên thế giới, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,

- Về không gian, và thời gian nghiên cứu: Khi đánh giá thực trạng pháp luật Việt Nam và thực tiễn thi hành pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước. Luận văn lấy mốc từ năm 2014 - năm Việt Nam ban Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc Hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Do đó, các số liệu được sử dụng để nghiên cứu trong luận văn được cập nhật từ năm 2014-2019

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Để giải quyết được vấn đề đặt ra thì đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp duy vật biện chứng, Luận văn sử dụng để nghiên cứu mối liên hệ giữa pháp luật về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Phương pháp phân tích - tổng hợp dùng để nghiên cứu các khái niệm như: Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong

lĩnh vực bảo vệ môi trường...

- Phương pháp thống kê thể hiện ở việc thống kê thực trạng môi trường Việt Nam, thực trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay...

- Phương pháp phân tích thuần túy quy phạm được tác giả sử dụng nghiên cứu về pháp luật trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như: quy phạm pháp luật trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường Việt Nam.

- Phương pháp so sánh pháp luật: tác giả dùng để nghiên cứu pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của một số quốc gia trên thế giới;

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Với những kết quả nghiên cứu đã được, tác giả hy vọng sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp trách nhiệm pháp lý doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường của các cơ quan có thẩm quyền, để từ đó từng bước nâng cao ý thức pháp luật, ý thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, nhà đầu tư, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực môi trường.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể sử dụng tham khảo trong các công trình nghiên cứu khoa học pháp lý, giảng dạy, đào tạo pháp luật.

7. Bố cục của luận văn

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn được chia thành 03(ba) Chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay;

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Khái niệm doanh nghiệp và trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

1.1.1. Khái niệm về doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam

Hiện nay, theo Luật doanh nghiệp 2014, doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Như vậy, trong khái niệm doanh nghiệp của Luật hiện hành có một số điều chỉnh nhỏ: doanh nghiệp là tổ chức thay vì tổ chức kinh tế như sự quy định trong Luật doanh nghiệp năm 2005. Luật doanh nghiệp 2014 không quy định thế nào là tổ chức kinh tế. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật liên quan thì có thể hiểu tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh. Tuy nhiên nếu giữa nguyên các quy định về doanh nghiệp trong luật doanh nghiệp thì khái niệm này đã bao gồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quy định tại Luật hợp tác xã 2012, đồng thời không bao hàm các doanh nghiệp thực hiện các chức năng đặc thù như doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp công ích... Mặc dù, Luật doanh nghiệp 2014 đã điều chỉnh vấn đề này tuy nhiên trong nhiều văn bản dưới luật vẫn sử dụng thuật ngữ "tổ chức kinh tế" để chỉ doanh nghiệp tạo sự không đồng nhất trong hệ thống pháp luật, ví dụ: Luật đầu tư năm 2014, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế, vv...

Theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 thì doanh nghiệp bao gồm 05 loại hình: công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH từ hai thành viên đến 50 thành viên

1.2. Khái niệm về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp.

1.2.1. Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là một dạng của trách nhiệm pháp lý, do đó khái niệm trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là

một loại quan hệ pháp luật giữa cơ quan có thẩm quyền với doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, trong đó cơ quan có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế được pháp luật bảo vệ môi trường quy định đối với doanh nghiệp và chủ thể này có nghĩa vụ phải gánh chịu hậu quả bất lợi do hành vi của mình gây ra.

Theo nghĩa này trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có những đặc điểm cơ bản như sau

Thứ nhất, Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp là vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Ở đâu có vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường thì ở đó có trách nhiệm pháp lý. Đặc biệt, doanh nghiệp là chủ thể gây ra ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động, sản xuất, kinh doanh chiếm tỉ trọng lớn nhất hiện nay.

Thứ hai, Cơ sở pháp lý của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp là quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan quản lý nhà nước, toà án, vv...) áp dụng trách nhiệm pháp lý tương ứng với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

1.2.2. Khái niệm trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là hậu quả pháp lý bất lợi áp dụng cho hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường của doanh nghiệp thể hiện dưới các khía cạnh như sau:

Thứ nhất, Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường với tư cách là công cụ để xử lý các hành vi của các doanh nghiệp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, và có tác dụng rất lớn trong việc định hướng quá trình khai thác môi trường theo tiêu chuẩn nhất định, qua đó sẽ hạn chế những tác hại và ngăn chặn được sự suy thoái về môi trường.

Thứ hai, Trách nhiệm pháp lý quy định các chế tài hình sự, hành chính, dân sự để buộc các doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các đòi hỏi của pháp luật trong việc khai thác và sử dụng các yếu tố môi trường.

Thứ ba, Truy cứu trách nhiệm pháp lý là việc Nhà nước trao cho các cơ quan chức năng các thẩm quyền xử lý các hành vi của doanh nghiệp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh

1.2.3. Pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

1.2.3.1. Khái niệm, và đặc trưng pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là các quy tắc xử sự bắt buộc do nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh quan hệ pháp luật giữa nhà nước thông qua cơ quan có thẩm quyền với doanh nghiệp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

Theo đó, pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, Đối tượng tác động của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là rất rộng. Theo Khoản 1, Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 thì “môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”.

Thứ hai, Pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có mối quan hệ chặt chẽ với các quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn môi trường

Thứ ba, Pháp luật về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hành chính của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có sự đan xen và bổ sung cho nhau. Khi áp dụng pháp luật này trong nhiều trường hợp có sự kết hợp và hỗ trợ cho nhau. Đây chính là một trong những đặc trưng cơ bản của pháp luật về trách nhiệm pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

1.2.3.2. Các quy định của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ nhất, Trách nhiệm hình sự.

Trong lĩnh vực môi trường, doanh nghiệp bị áp dụng trách nhiệm hình sự với các tội phạm được quy định tại một chương riêng với 09 tội danh bao gồm: Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235); Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237); Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238); Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239); Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242); Tội hủy hoại rừng (Điều 243); Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244); Tội vi phạm quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245); Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246);

Về hình phạt áp dụng với doanh nghiệp, Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định hình phạt chính được áp dụng chỉ là hình thức phạt tiền với mức thấp nhất là 50 triệu đồng, cao nhất là 20 tỷ đồng. Ngoài ra doanh nghiệp còn bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh trong một số lĩnh vực, cấm hoạt động trong một thời hạn, cấm huy động vốn.

Thứ hai, Trách nhiệm hành chính

Trách nhiệm hành chính áp dụng đối với các doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường được quy định trong một số văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu sau đây: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Bảo vệ môi trường 2014; Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó, vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm: (1) Các hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường và đề án bảo vệ môi trường; (2) Các hành vi gây ô nhiễm môi trường; (3) Các hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải; (4) Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung; (5) Các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản; (6) Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; (7) Các hành vi vi phạm hành chính về đa dạng sinh học bao gồm: Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật và bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền; (8) Các hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính.

Thứ ba, Trách nhiệm dân sự

Trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta được quy định trong nhiều loại văn bản pháp luật khác nhau như: Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 03/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường và các văn bản pháp luật chuyên ngành Bộ luật hàng hải Việt Nam 2015 quy định về trách nhiệm dân sự của chủ tàu trong trường hợp làm ô nhiễm môi trường; Luật lâm nghiệp năm 2017 về bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng....

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Qua nghiên cứu các vấn đề lý luận pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, có thể rút ra một số kết luận sau:

Trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là một loại quan hệ pháp luật giữa cơ quan có thẩm quyền với doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, trong đó cơ quan có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế được pháp luật bảo vệ môi trường quy định đối với doanh nghiệp và chủ thể này có nghĩa vụ phải gánh chịu hậu quả bất lợi do hành vi của mình gây ra.

Pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là các quy tắc xử sự bắt buộc do nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh quan hệ pháp luật giữa nhà nước thông qua cơ quan có thẩm quyền với doanh nghiệp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Theo đó cơ quan có thẩm quyền có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp và chủ thể này có nghĩa vụ phải gánh chịu hậu quả bất lợi do hành vi của mình gây ra. Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật môi trường phải chịu trách nhiệm pháp lý trước nhà nước, cộng đồng, và các cá nhân tổ chức khác bị thiệt hại. Việc áp dụng pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật môi trường một mặt yêu cầu doanh nghiệp vi phạm phải gánh chịu những hậu quả pháp lý nhất định, mặt khác có tác dụng phòng ngừa, răn đe ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật từ phía những chủ thể khác

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

2.1.1. Trách nhiệm dân sự

Thứ nhất, Đối với các hình thức trách nhiệm pháp lý như trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm chấm dứt hành vi vi phạm chưa được quy định đầy đủ và thống nhất, điều này thể hiện tại Điều 602 BLDS năm 2015 và Điều 93 khoản 1 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

Thứ hai, Nghị định số 03/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 06/01/2015 quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường nhưng vẫn còn nhiều bất cập

Thứ ba, Pháp luật hiện hành quy định về xác định mức độ thiệt hại mới chỉ dừng lại ở những thiệt hại cụ thể, trước mắt có thể đo đếm được, chưa có các quy định để xác định mức độ thiệt hại lâu dài. Thực tế cho thấy, không ít trường hợp hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường không xảy ra ngay sau khi có hành vi gây ô nhiễm mà phải trải qua thời gian rất dài mới nảy sinh, xuất hiện.

Thứ tư, Các quy định về việc sử dụng nguồn kinh phí để khắc phục ô nhiễm môi trường và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra còn chưa rõ ràng, thiếu thống nhất.

Thứ năm, Cần xác định rõ biện pháp khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường thuộc loại trách nhiệm nào (hành chính hay dân sự),

Thứ sáu, Thời hạn áp dụng trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường cũng là vấn đề còn nhiều tranh cãi.

2.1.2. Trách nhiệm hành chính

Thứ nhất, Mức xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp đã tăng cao (mức cao nhất hiện nay là 2.000.000.000 đồng), nhưng nếu so với việc phải đầu tư hệ thống xử lý chất thải thì còn thấp hơn nhiều, vì việc đầu tư hệ thống xử lý chất thải đòi hỏi phải tốn kém hơn, chính vì vậy mà các chủ thể sẵn sàng chịu phạt hơn là đầu tư hệ thống xử lý chất thải.

Thứ hai, Một số hành vi có cùng tính chất nhưng được quy định tại các điều khoản khác nhau dẫn đến sự lúng túng cho cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt. *Thứ ba*, Tại điểm n, Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của qui định, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

gây ô nhiễm môi trường “Buộc di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường” nhưng thực tế, khi áp dụng thì hầu như không có cơ chế giải quyết được vấn đề như lao động, việc làm, điều kiện trụ sở

Thứ tư, Mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã được tăng cao nhưng mức phạt của người có thẩm quyền xử phạt lại chưa được sửa đổi, bổ sung tương ứng. Hậu quả là, trong nhiều trường hợp, việc xử phạt không được thực hiện một cách kịp thời, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp;

Thứ năm, Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Thực tiễn cho thấy số lượng chức danh có thẩm quyền xử phạt VPHC trong lĩnh vực BVMT chưa đủ, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định về những chức danh trực tiếp thi hành công vụ (như Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, Kiểm lâm, Thanh tra nông nghiệp và phát triển nông thôn, Thanh tra chuyên ngành thủy sản, Quản lý thị trường, Thuế, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa) còn ít, mà phần lớn là các chức danh lãnh đạo.

Thứ sáu, Chế tài xử phạt VPHC. Tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP cách hình thức xử phạt và mức phạt còn quy định chung cho các hành vi mà không xem xét đến quy mô, mức độ vi phạm của từng doanh nghiệp; chưa đảm bảo nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”, chưa đảm bảo công bằng trong xử phạt

2.1.3. Trách nhiệm hình sự

Thứ nhất, Quan điểm về tội phạm môi trường chưa rõ ràng, có thể nói đến nay khái niệm chung về tội phạm môi trường vẫn chưa được luật hoá mới chỉ định nghĩa ở một số công trình nghiên cứu như trong tác phẩm nhưng đa số chưa rõ ràng và đầy đủ.

Thứ hai, Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đã quy định pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm về môi trường tại các Điều 235 (tội gây ô nhiễm môi trường); Điều 237 (tội vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường); tuy nhiên vẫn chưa khái quát hết tình hình về tội phạm môi trường trên thực tế.

Thứ ba, Vấn đề thời hiệu xử lý vi phạm pháp luật về môi trường cũng chưa có sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật cũng như thời gian xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý là quá ngắn so với tính chất, thủ đoạn của vi phạm pháp luật về môi trường thường rất phức

tạp và tinh vi, có liên quan đến các pháp nhân vi phạm pháp luật về môi trường.

2.2. Thực tiễn thực thi pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

2.2.1. Bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường

Thứ nhất, Thực tiễn cho thấy, hầu hết các tranh chấp về bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường gây ra hiện nay đều được giải quyết thông qua thương lượng. Số lượng các tranh chấp đưa ra giải quyết bằng con đường xét xử là rất ít.

Thứ hai, Một cách tổng quát, trong hầu hết các vụ tranh chấp, mức bồi thường mà bên chủ thể bị thiệt hại đạt được cuối cùng thường rất thấp so với mức thiệt hại đã xảy ra trên thực tế.

Thứ ba, Thực tiễn xác định thiệt hại và giải quyết việc bồi thường thiệt hại vụ Vedan vừa qua ở nước ta cũng cho thấy nhiều vấn đề phát sinh

2.2.2. Áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự đối với pháp nhân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hiện nay, quy định trách nhiệm hình sự với pháp nhân thương mại phạm tội nói chung và pháp nhân thương mại phạm tội môi trường nói riêng. Tuy nhiên, việc thi hành án đối với pháp nhân thương mại phạm tội về môi trường còn hạn chế. Các biện pháp bảo đảm thi hành án đối với pháp nhân thương mại về các hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm huy động vốn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực; buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục hậu quả, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra thì trình tự và thủ tục thực hiện như thế nào? Mỗi hình phạt, biện pháp tư pháp đòi hỏi phải có trình tự, thủ tục thi hành cưỡng chế thích hợp mà chưa có luật định cụ thể? Đồng thời, quy định thủ tục tố tụng hình sự có tính chất đặc thù áp dụng riêng với pháp nhân bị buộc tội

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay thì có thể rút ra những kết luận sau:

Các quy định về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiện nay nằm rải rác ở các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015; Bộ luật dân sự 2015 số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018; Nghị định 155/2016/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Nghiên cứu thực trạng pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đang hiện hành thì có thể thấy rõ các quy định này cùng các quy định pháp luật liên quan đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Đồng thời, thực tiễn thực thi pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho thấy: “Việc xử lý hành chính đối với các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường còn thiếu kiên quyết và triệt để. Các biện pháp khắc phục môi trường, trả lại tình trạng ban đầu trước khi môi trường bị ô nhiễm chưa được các doanh nghiệp chấp hành nghiêm. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử đối với doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường chưa áp dụng với yêu cầu của thực tiễn. Thực tế cho thấy, rất ít các vụ án tiến hành xử lý hình sự đối pháp nhân thương mại gây ô nhiễm môi trường”.

Như vậy, có thể thấy, tuy việc xây dựng thể chế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được quan tâm, đẩy mạnh nhưng hiệu quả, hiệu lực thi hành của các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa được quan tâm, chú ý đúng mức. Do đó, hiện tượng các doanh nghiệp vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường vẫn diễn ra và môi trường nước ta ngày càng xuống cấp nghiêm trọng.

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Thứ nhất, Xuất phát từ nhu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Thứ hai, Xuất phát từ thực trạng phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay các chủ thể kinh tế vì lợi nhuận mà vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

Thứ ba, Hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường phù hợp với các hiệp định thương mại tự do và thông lệ quốc tế.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

3.2.1. Trách nhiệm hình sự

Thứ nhất, Bổ sung các hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta.

Thứ hai, Cần thiết sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thêm các tội phạm môi trường đối với các hành vi : “hành vi gây tiếng ồn, độ rung vượt tiêu chuẩn cho phép; sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người; hành vi cản trở hoạt động bảo vệ môi trường...”.

Thứ ba, Cần có sự hướng dẫn chi tiết đối với việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân càng sớm càng tốt.

Thứ tư, Đối với pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực môi trường, việc ký quỹ môi trường phải được quy định chặt chẽ hơn.

Thứ năm, Những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về thủ tục tố tụng có tính chất đặc thù áp dụng đối với pháp nhân là những quy định mới tạo ra cơ sở pháp lý cơ bản để các cơ quan có thẩm quyền tố tụng hình sự khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với pháp nhân. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, thiếu sót cần nghiên cứu tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện trong thời gian tới,

3.2.2. Trách nhiệm hành chính

Thứ nhất, Cần có các nghiên cứu chuyên sâu về cơ sở thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền và công bằng trong xử lý”,

để làm cơ sở phân định mức xử phạt đối với quy mô sản xuất của từng đối tượng vi phạm.

Thứ hai, Cần xác định rõ biện pháp “khắc phục hậu quả do ô nhiễm môi trường” thuộc loại trách nhiệm nào (hành chính hay dân sự)

Thứ ba, Tăng cường trang thiết bị cho thanh tra môi trường vì hiện nay để có cơ sở xử phạt thì thanh tra phải có thiết bị phân tích thành phần môi trường bị ô nhiễm nếu không thì không thể xử phạt hành vi gây ô nhiễm môi trường được.

Thứ tư, Bãi bỏ quy định điểm m khoản 3 Điều 4 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định biện pháp truy thu số phí bảo vệ môi trường nộp thiếu, trốn nộp theo quy định; buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường (đối với tất cả các thông số môi trường của các mẫu môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật) trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành là biện pháp khắc phục hậu quả.

3.2.3. Trách nhiệm dân sự

Thứ nhất, Đối với các hình thức trách nhiệm dân sự như trách nhiệm bồi thường, trách nhiệm chấm dứt hành vi vi phạm cần được quy định đầy đủ và thống nhất, tránh việc dẫn chiếu như hiện nay dẫn đến việc khó xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Thứ hai, Cần đặt nặng trách nhiệm chứng minh của doanh nghiệp gây thiệt hại trong giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi làm ô nhiễm môi trường dựa trên nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền. Nguyên tắc này do Tổ chức hợp tác và phát triển (Organization for Economic Cooperation and Development – OECD) soạn thảo năm 1972.

Thứ ba, Về vấn đề sử dụng nguồn kinh phí để khắc phục ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp nhà nước còn rất thiếu, hiện nay mới chỉ có Quyết định 58/2008/QĐ ngày 29/04/2008 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi bổ sung bởi quyết định 38/2011/QĐ ngày 5/7/2011) việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích và Thông tư 02/2017/TT-BTC Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp công ích gây ô nhiễm môi trường do “ kho thuộc bảo vệ thực vật; bệnh viện; bãi rác; điểm tồn lưu chất hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh; trạm xử lý nước thải sinh hoạt đô thị” các doanh

ngành này được nhà nước trực tiếp hỗ trợ kinh phí để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường.

Thứ tư, Pháp luật cần có các quy định mang tính linh hoạt hơn trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại, vì trong lĩnh vực môi trường do giá trị của các thiệt hại về môi trường thường rất lớn và khó xác định nên trong tuyệt đại đa số các trường hợp áp dụng trách nhiệm bồi thường toàn bộ và kịp thời các thiệt hại (theo như luật quy định như hiện nay) là điều khó có thể thực hiện được.

3.3. Giải pháp nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp

3.3.1. Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp

Thứ nhất, Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ về sản xuất sạch, sạch hơn nhằm phòng ngừa ô nhiễm tại nguồn trong các hoạt động sản xuất như tiết kiệm nhiên liệu, nguyên liệu và hạn chế phát sinh chất thải, và gây ô nhiễm tại các khu công nghiệp, khu đô thị và trung tâm công nghiệp

Thứ hai, Tăng cường việc đầu tư các giải pháp kỹ thuật như đổi mới công nghệ thiết bị kỹ thuật, ứng dụng và gia tăng hàm lượng công nghệ cao, mới, tiên tiến, áp dụng các biện pháp cải tiến quản lý nội vi, hợp lý hóa quy trình và quá trình sản xuất, thay thế nguyên nhiên liệu, vật liệu ô nhiễm bằng nguyên nhiên liệu vật liệu sạch hơn, thực hiện quản lý tiết kiệm năng lượng điện nước.

Thứ ba, Ứng dụng công nghệ thông tin trong BVMT phục vụ công tác phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp

3.3.2. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường

Thứ nhất, Xây dựng và thực hiện các chiến lược kinh doanh hiệu quả, khai thác tối đa những nguồn lực vốn có của doanh nghiệp, tranh thủ tối đa nguồn vốn hỗ trợ từ nhà nước;

Thứ hai, Doanh nghiệp sử dụng ít nhất 1,5% tổng chi cho ngân sách, dự kiến hàng năm tăng dần tổng chi ngân sách cho hoạt động BVMT so với năm trước;

Thứ ba, Các doanh nghiệp được tính vốn đầu tư BVMT trong giá thành chi phí sản xuất để huy động khoảng 1 - 2% tổng chi phí của doanh nghiệp;

Thứ tư, Đa dạng hóa đầu tư BVMT, thực hiện các cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư BVMT;

Thứ năm, Tăng cường nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng về xử lý môi trường cho, đặc biệt phát huy hiệu quả hệ thống xử lý nước thải đô thị,

xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

3.3.3. Áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường.

Các công cụ kinh tế được thực hiện trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm :

Một là, Thành lập các quỹ bảo vệ môi trường.

Hai là, Áp dụng các ưu đãi về thuế đối với những doanh nghiệp, những dự án có giải pháp tốt về bảo vệ môi trường.

Ba là, Áp dụng thuế suất cao đối với những sản phẩm mà việc sản xuất chúng có tác động xấu đến môi trường.

Bốn là, Gắn hạn chế hoặc khuyến khích thương mại với việc bảo vệ môi trường.

Năm là, Khuyến khích áp dụng các cơ chế chuyển nhượng và trách nhiệm xử lý chất thải phù hợp với cơ chế thị trường.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thi hành pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay, tác giả đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

1. Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay xuất phát từ nhu cầu thực tế sau đây: Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; Thực trạng phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay các chủ thể kinh tế vì lợi nhuận mà vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường; Phù hợp với các hiệp định thương mại tự do và thông lệ quốc tế.

2. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

3. Đồng thời tác giả còn đề xuất một số giải pháp khác nhằm nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp như: Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp; Nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp; Đẩy mạnh hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mặt tài chính, đầu tư cho bảo vệ môi trường; Áp dụng các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

Đề tài nghiên cứu đã đạt được những kết quả sau :

- Luận văn đã đưa ra nhận thức chung về doanh nghiệp và trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó nêu khái niệm, và vai trò trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đồng thời nêu được khái niệm, đặc trưng pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; và các quy định của pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường một trong những cơ sở quan trọng và cần thiết để hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Luận văn đã đánh giá một cách tương đối toàn diện thực trạng các quy định pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Trách nhiệm dân sự; trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự) và thực tiễn thực thi pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Trên cơ sở phân tích những bất cập của pháp luật và thực tiễn thực thi pháp luật về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Với những kết quả nghiên cứu đã được nêu trong bản luận văn, tác giả hy vọng sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật về về trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam, cũng như nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp trách nhiệm pháp lý của các cơ quan có thẩm quyền. Trên cơ sở đó từng bước nâng cao ý thức pháp luật, ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.